

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2015**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 03 năm 2015	1-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2015	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015	6-7
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015	8-35
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2015	36

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426,323,916,959	466,448,019,126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		98,066,095,340	82,194,459,355
1. Tiền	111	(VI.1)	18,066,095,340	15,194,459,355
2. Các khoản tương đương tiền	112		80,000,000,000	67,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		224,745,247,218	234,180,953,301
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(VI.3)	217,622,997,831	231,562,957,160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,049,142,452	895,708,393
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(VI.4a)	2,211,164,575	1,860,345,388
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(138,057,640)	(138,057,640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		102,958,177,772	149,710,195,855
1. Hàng tồn kho	141	(VI.7)	102,958,177,772	149,710,195,855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		554,396,629	362,410,615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(VI.13a)	127,126,895	74,585,215
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(VI.17b)	45,233,423	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	(VI.14a)	382,036,311	287,825,400

(Phần tiếp theo ở trang 2)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198,172,887,926	202,937,223,035
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		150,030,804,022	153,459,007,821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(VI.9)	127,124,766,000	133,270,141,494
+ Nguyên giá	222		367,585,594,856	367,585,594,856
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(240,460,828,856)	(234,315,453,362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(VI.11)	22,296,742,113	19,494,421,646
+ Nguyên giá	225		33,662,428,260	29,390,578,850
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(11,365,686,147)	(9,896,157,204)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(VI.10)		
+ Nguyên giá	228		1,471,867,089	1,471,867,089
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,471,867,089)	(1,471,867,089)
III. Bất động sản đầu tư	230			
+ Nguyên giá	231			
+ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		609,295,909	694,444,681
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(VI.8b)	609,295,909	694,444,681
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4,000,000,000	4,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(VI.2c)	4,000,000,000	4,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44,142,083,904	45,478,215,214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(VI.13b)	37,046,854,847	37,121,145,696
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(VI.24)	4,899,259,057	6,161,099,518
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	(VI.4b)	2,195,970,000	2,195,970,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		624,496,804,885	669,385,242,161

(Phần tiếp theo ở trang 3)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		349,380,433,703	397,921,393,556
I. Nợ ngắn hạn	310		289,059,028,198	342,007,734,177
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(VI.16)	105,209,479,625	131,953,013,064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52,368,504	4,695,804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(VI.17a)	4,171,908,157	6,888,033,769
4. Phải trả người lao động	314		5,296,249,021	16,259,647,602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(VI.18)	13,938,281,688	13,043,558,507
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(VI.19)	2,053,826,096	1,269,575,404
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(VI.15)	155,652,138,616	168,662,782,126
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,684,776,491	3,926,427,901
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		60,321,405,505	55,913,659,379
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(VI.15)	60,321,405,505	55,913,659,379
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275,116,371,182	271,463,848,605
I. Vốn chủ sở hữu	410	(VI.25)	275,116,371,182	271,463,848,605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		106,978,420,000	106,978,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(408,640,209)	(408,640,209)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41,794,947,863	31,097,105,863
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			10,697,842,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		123,099,120,951	102,042,896,500
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,652,522,577	21,056,224,451
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		624,496,804,885	669,385,242,161

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lý Phát
TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN


Nguyễn Hoàng

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015



GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Tuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VII.1a)	301,528,862,083	226,990,562,322	301,528,862,083	226,990,562,322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(VII.2)	16,370,786	-	16,370,786	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		301,512,491,297	226,990,562,322	301,512,491,297	226,990,562,322
4. Giá vốn hàng bán	11	(VII.3)	263,737,043,716	195,467,375,382	263,737,043,716	195,467,375,382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,775,447,581	31,523,186,940	37,775,447,581	31,523,186,940
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VII.4)	647,677,953	867,035,897	647,677,953	867,035,897
7. Chi phí tài chính	22	(VII.5)	2,738,498,330	3,112,220,673	2,738,498,330	3,112,220,673
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2,536,511,870	2,989,103,462	2,536,511,870	2,989,103,462
8. Chi phí bán hàng	24	(VII.6)	14,763,241,619	12,012,601,368	14,763,241,619	12,012,601,368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(VII.7)	3,508,485,346	3,059,281,783	3,508,485,346	3,059,281,783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,412,900,239	14,206,119,013	17,412,900,239	14,206,119,013
11. Thu nhập khác	31	(VII.8)	739,524,127	1,689,087,573	739,524,127	1,689,087,573
12. Chi phí khác	32	(VII.9)	149,834,231	240,910,749	149,834,231	240,910,749
13. Lợi nhuận khác	40		589,689,896	1,448,176,824	589,689,896	1,448,176,824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18,002,590,135	15,654,295,837	18,002,590,135	15,654,295,837
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,840,042,751	1,673,989,677	1,840,042,751	1,673,989,677
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1,261,840,461	988,760,224	1,261,840,461	988,760,224
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,900,706,923	12,991,545,936	14,900,706,923	12,991,545,936
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,396	1,217	1,396	1,217
19. Lãi suy giảm trên cổ phần (*)	71		1,396	1,217	1,396	1,217

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP



LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN


NGUYỄN HOÀNG



GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18,002,590,135	15,654,295,837
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		7,614,904,437	6,919,742,593
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(647,677,953)	
Chi phí lãi vay	06		2,536,511,870	2,989,103,462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		27,506,328,489	25,563,141,892
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9,296,261,749	25,099,195,764
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46,752,018,083	9,696,256,838
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(38,696,411,059)	(46,004,734,477)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21,749,169	467,972,594
Tiền lãi vay đã trả	13		(2,536,511,870)	(2,989,103,462)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,654,306,531)	(1,597,801,431)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10,635,281,775)	(15,456,686,773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28,053,846,255	(5,221,759,055)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,186,700,638)	(162,386,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		607,387,752	867,035,896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,579,312,886)	704,649,896

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		143,515,093,323	122,002,756,471
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(150,796,488,273)	(101,636,227,383)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,321,502,434)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8,602,897,384)	20,366,529,088
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15,871,635,985	15,849,419,929
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82,194,459,355	73,767,750,198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		98,066,095,340	89,617,170,127

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG



GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Ngày 20 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số /2008/QĐ-TTGDCKHN ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 05 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức chuyển niêm yết giao dịch chứng khoán sang Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh bao bì giấy và giấy
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng chế độ kế toán mới

Từ năm 2015, Công ty đã lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Chế độ Kế toán Việt Nam sửa đổi bao gồm các hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành.

Việc áp dụng Chế độ kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính năm tài chính này và các năm tài chính trước của Công ty. Tuy nhiên chế độ kế toán mới này dẫn đến việc trình bày báo cáo tài chính và các thuyết minh mới cho báo cáo tài chính năm 2015. Công ty đã thực hiện việc phân loại lại các số dư tại ngày 01/01/2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

(Phần tiếp theo ở trang 10)

4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì phải xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bản cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí bản quyền, bảo hiểm tài sản, bảo hộ lao động, chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 47 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 đến 02 năm kể từ thời điểm phát sinh vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 01 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ 2 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
+ Tài sản cố định khác	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.10 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm tài sản đi thuê tài chính như sau:

	Thời gian khấu hao
+ Máy móc, thiết bị	05 năm

4.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của [Tập đoàn]. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền

4.12 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

- Các khoản đầu tư vào [công ty con] và [công ty liên kết] được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.14 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.16 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.19 Thuế

▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN ưu đãi trong năm hiện hành là 15%.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 22%.

- *Thuế giá trị gia tăng*: Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.
- *Các loại thuế khác*: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.20 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.22 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này và phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	123.099.120.951
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	102.042.896.500	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	21.056.224.451	-

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

1. Tiền	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Tiền mặt		61.586.711		48.819.350
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		18.004.508.629		15.415.640.005
- Tiền đang chuyển		-		-
Cộng		18.066.095.340		15.194.459.355

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư / loại cổ phiếu, trái phiếu :	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Giá gốc	Giá trị sổ sách

b1. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-

b2. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	217.622.997.831	231.562.957.160
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	471.116.030	494.779.010
Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	471.116.030	494.779.010

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	-	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	2.211.164.575	-	1.860.345.388	-
b. Dài hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	-	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	2.195.970.000	-	2.195.970.000	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	4.407.134.575	-	4.056.315.388	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Tiền	-	-	-	-
b. Hàng tồn kho	-	-	-	-
c. Tài sản cố định	-	-	-	-
d. Tài sản khác	-	-	-	-

6. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số lượng	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	353.737.020	353.737.020	353.737.020	353.737.020
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu				
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn				
Cộng	353.737.020	353.737.020	353.737.020	353.737.020

7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	16.502.873.905	-
- Nguyên liệu, vật liệu	92.562.668.372	-	118.932.801.729	-
- Công cụ, dụng cụ	519.220.742	-	547.312.955	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.216.128.667	-	4.514.113.118	-
- Thành phẩm	6.660.159.991	-	9.213.094.148	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	102.958.177.772	-	149.710.195.855	-

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
- Mua sắm	609.295.909	609.295.909	694.444.681	694.444.681
- Xây dựng cơ bản				
- Sửa chữa				
Cộng	609.295.909	609.295.909	694.444.681	694.444.681

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	131.371.988.799	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	131.371.988.799	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	32.042.389.500	187.900.137.873	8.327.563.531	5.666.882.35	378.480.105	234.315.453.362
Khấu hao trong kỳ	1.377.840.564	4.252.153.059	174.158.733	313.542.147	27.680.991	6.145.375.494
Số dư cuối kỳ	33.420.230.064	192.152.290.932	8.501.722.264	5.980.500	406.161.096	240.460.828.856
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	99.784.144.754	30.555.194.789	1.900.868.785	934.717.453	95.215.713	133.270.141.494
Tại ngày cuối kỳ	98.406.304.190	26.303.041.730	1.726.710.052	621.175.306	67.534.722	127.124.776.000

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	29.390.578.850
- Thuê tài chính trong kỳ	4.271.849.410
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Tăng khác	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Giảm khác	-
Số dư cuối kỳ	<u>33.662.428.260</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.896.157.204

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Khấu hao trong kỳ	1.469.528.943
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Tăng khác	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-
- Giảm khác	-
Số dư cuối kỳ	<u>11.365.686.147</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	19.494.421.646
Tại ngày cuối kỳ	<u>22.296.742.113</u>

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	59.994.000	-
- Chi phí sửa chữa máy	67.132.895	56.866.215
- Khác	-	17.719.000
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê đất tại lô B_6_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, TX Bến Cát, Bình Dương	35.186.503.203	35.402.371.320
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	496.934.328	649.966.095
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	858.561.791	932.482.388
- Khác	504.855.525	136.325.893
Cộng	37.046.854.847	37.121.145.696

14. Tài sản khác

a. Ngắn hạn	382.036.311	287.825.400
Đây là khoản tạm ứng cho CBCNV để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ		
b. Dài hạn	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	151.499.713.799	151.499.713.799	139.107.347.197	150.796.488.273	163.188.854.875	163.188.854.875
b. Vay dài hạn	42.935.507.987	42.935.507.987	-	-	42.935.507.987	42.935.507.987
c. Các khoản nợ thuê tài chính	21.538.322.335	21.538.322.335	4.407.746.126	1.321.502.434	18.452.078.643	18.452.078.643
Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
-Trên 1 năm đến 5 năm	1.715.144.712	393.642.278	1.321.502.434	691.648.764	223.118.131	468.530.633
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
- Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

16. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	105.209.479.625	105.209.479.625	131.953.013.064	131.953.013.064
- Công ty giấy Chánh Dương	38.388.698.480	38.388.698.480	40.540.423.991	40.540.423.991
- Công ty giấy Hiang Seng	18.876.372.200	18.876.372.200	39.057.119.405	39.057.119.405
- Công ty giấy An Bình	18.593.451.140	18.593.451.140	23.705.727.650	23.705.727.650
- Khác	29.350.957.805	29.350.957.805	28.649.742.018	28.649.742.018
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số hạn quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a. Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	6.112.848.350	6.404.402.299	2.163.577.451
- Thuế xuất nhập khẩu	-	538.081.063	538.081.063	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.306.531	1.840.042.751	3.654.306.531	1.840.042.751
- Thuế Thu nhập cá nhân	778.595.838	2.602.316.673	3.212.624.556	168.287.955
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	6.888.033.769	11.097.288.837	13.813.414.449	4.171.908.157
b. Phải thu				
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	44.745.847	44.745.847
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	487.576	487.576
Cộng	-	-	-	45.233.423

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

18. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Chi phí vận chuyển	3.370.000.000	2.170.000.000
- Chi phí gia công	289.230.992	524.975.739
- Chi phí lãi vay	-	211.751.300
- Chi phí khác	1.656.959.041	1.514.739.813
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê đất và phí quản lý	8.622.091.655	8.622.091.655
Cộng	13.938.281.688	13.043.558.507

19. Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	75.726.380	12.183.660
- BHXH, BHYT và BHTN	879.722.974	640.512.557
- Cổ tức	175.000	175.000
- Thù lao HĐQT và BKS	-	413.530.295
- Các khoản phải trả khác	1.098.201.742	203.173.892
Cộng	2.053.826.096	1.269.575.404
b. Dài hạn	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	-	-
c. Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-

21. Trái phiếu phát hành

21.1 Trái phiếu thường	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
a. Trái phiếu phát hành						
- Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	-	-	-	-
- Loại phát hành có chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Loại phát hành có phụ trợ	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

b. Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

21.2. Trái phiếu chuyển đổi : không phát sinh

- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ
- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ
- Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ

22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả : không phát sinh

23. Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	-
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-
- Dự phòng tái cơ cấu	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	-	-
b. Dài hạn	-	-

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.622.091.655	8.622.091.655
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	13.647.267.693	19.382.906.153
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.899.259.057	6.161.099.518
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế - -
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại - -

(Phần tiếp theo ở trang 29)



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	106.978.420.000	-	(408.640.209)	21.449.284.093	8.858.576.321	102.042.896.500	238.920.536.705
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	63.318.811.801	63.318.811.801
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	9.647.821.770	1.839.265.679	-	11.487.087.449
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(43.262.587.350)	(43.262.587.350)
Số dư đầu năm nay	106.978.420.000	-	(408.640.209)	31.097.105.863	10.697.842.000	123.099.120.951	271.463.848.605
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	14.900.706.923	14.900.706.923
Tăng khác (*)	-	-	-	10.697.842.000	-	-	10.697.842.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(10.697.842.000)	(11.248.184.346)	(21.946.026.346)
Số dư cuối kỳ	106.978.420.000	-	(408.640.209)	30.812.576.839	10.697.842.000	126.751.643.528	275.116.371.182

(*) Là khoản điều chỉnh theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 12 tài khoản 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai)	57.336.610.000	57.336.610.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	49.641.810.000	49.641.810.000
Cộng	106.978.420.000	106.978.420.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	106.978.420.000	106.978.420.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	106.978.420.000	106.978.420.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.643.542.000	21.347.084.000
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.697.842	10.697.842
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.697.842	10.697.842
+ Cổ phiếu phổ thông	10.697.842	10.697.842
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	24.300	24.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.673.542	10.673.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phần

đ. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông : cổ tức năm 2014 là 20%/mệnh giá cổ phần. Trong năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% và chi trả 10% còn lại trong năm 2015. Còn cổ tức 2015 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên và sẽ được công bố sau khi tổ chức đại hội cổ đông năm 2015.

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi : không có

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không có

e. Các quỹ của Doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển : 41.794.947.863 đồng

- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp : không

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

+ Cổ phiếu quỹ : (408.640.209)

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 126.751.643.528 đồng

f. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể : không phát sinh

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cuối kỳ	Đầu năm
Lý do thay đổi giữa số đầu năm và cuối kỳ	-	-
27. Chênh lệch tỷ giá	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VNĐ	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác	-	-
28. Nguồn kinh phí	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
- Chi dự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-
29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Tài sản thuê ngoài		
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	14.813.72	66.561,80
- EUR	949,84	949,84
d. Vàng tiền tệ	-	-
e. Nợ khó đòi đã xử lý	735.123.035	735.123.035
f. Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	-	-

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Kỳ này

Kỳ trước

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

Doanh thu bán sản phẩm Carton	252.260.602.427	197.849.800.608
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	41.709.279.656	23.731.464.714
Doanh thu bán hàng khác	7.558.979.990	5.409.217.000
Cộng	301.528.862.083	226.990.562.322

b. Doanh thu đối với các bên liên quan :

Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	2.128.978.610	2.953.979.300
---	---------------	---------------

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	16.370.786	-
Cộng	16.370.786	-

3. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	607.387.752	867.035.896
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.290.201	-
Tổng cộng	647.677.953	867.035.896

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.536.511.870	2.989.103.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá	201.986.460	123.117.211
Tổng cộng	2.738.498.330	3.112.220.673

(Phần tiếp theo ở trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	5.619.130.939	5.361.100.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.232.293.412	5.186.505.742
Chi phí bằng tiền khác	1.911.817.268	1.464.994.923
Tổng cộng	14.763.241.619	12.012.601.368

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.011.130.666	1.263.004.622
Chi phí vật liệu quản lý	-	16.200.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	182.372.959	77.254.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.380.638	143.533.308
Thuế, phí, lệ phí	27.031.297	25.416.182
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.983.901	255.248.002
Chi phí bằng tiền khác	966.585.885	1.278.624.806
Tổng cộng	3.508.485.346	3.059.281.783

8. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu bồi hoàn	403.174.840	41.242.381
Phế liệu	62.256.128	68.643.145
Thuế TNCN của NVKD	-	1.359.381.530
Thu nhập khác	274.093.159	219.820.517
Tổng cộng	739.524.127	1.689.087.573

9. Chi phí khác

Chủ yếu là các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ.

(Phần tiếp theo ở trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

10. Giải trình lợi nhuận sau thuế tăng trên 10%

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước	Tăng / giảm (%)
Doanh thu thuần	301.512.491.297	226.990.562.322	32,83
Lợi nhuận sau thuế	14.900.706.923	12.991.545.936	14,69

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tăng 14,69% : sản lượng tăng 34,45% và doanh thu tăng 32,83% trong khi giá vốn tăng 34,93%. Như vậy nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế tăng là do sản lượng tăng.

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc

IX. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

X. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2015

1. Phải thu khách hàng:

	Số tiền
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	53.445.480.251
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	18.607.548.753
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	11.915.354.319
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	9.458.142.944
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	7.233.759.863
Công ty Cổ phần Uniben	5.850.888.632
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	5.416.463.316
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	5.381.472.928
Công ty Cổ phần Bột Giặt Net	4.666.718.035
Công ty Kimberly – Clark Việt Nam	4.414.266.766
Khác	<u>91.232.902.024</u>
Cộng	<u>217.622.997.831</u>

2. Phải trả người bán:

	Số tiền
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	38.388.698.480
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	18.876.372.200
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	18.593.451.140
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	10.142.060.940
Khác	<u>19.208.896.865</u>
Cộng	<u>105.209.479.625</u>